

HOSE 17/09/2014

VNINDEX 625.66 -2.00 -0.32%

KLGD 189,811,760 CP
GTGD 3,613.41 Tỷ
GTR NDTNN - 313.29 Tỷ

CP Tăng giá 116 CP
CP Giảm giá 119 CP
CP Đứng giá 69 CP



Tâm điểm

- ▶ **Khối ngoại bán mạnh khiến thị trường giảm nhẹ cuối phiên**
- ▶ **Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao, dòng chứng khoán thanh khoản lớn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 5,635 tỷ đồng.
- ▶ **Việt Nam đầu tư 19 tỷ USD ra nước ngoài**
Thị trường đầu tư chính vẫn là Lào, Campuchia, Nga, Venezuela...
Tiền Phong
- ▶ **HSBC: Triển vọng thương mại của Việt Nam khá tích cực.**
Chỉ số tin cậy thương mại (TCI) nửa đầu năm 2014 của Việt Nam đạt 120 điểm!
Người Đồng Hành
- ▶ **Trung Quốc bơm 81.4 tỷ USD cho 5 ngân hàng lớn nhất**
Động thái này chứng tỏ quyết tâm của CP Trung Quốc trong nỗ lực hỗ trợ kinh tế tăng
Bloomberg
- ▶ **TSC: Điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận cả năm lên 55 tỷ đồng**
Mặc dù, 6 tháng đầu năm, TSC lãi sau thuế vón vện 2.4 tỷ đồng
Infonet/HSX
- ▶ **TMT: Sau 8 tháng, vượt kế hoạch lợi nhuận 415%**
Tỷ suất lợi nhuận gộp trong 8 tháng đầu năm đạt 11.5%
Người Đồng Hành

HNX 17/9/2014

HNXINDEX 90.16 0.00 0.01%

KLGD 145,003,778 CP
GTGD 2,022.60 Tỷ
GTR NDTNN - 68.92 Tỷ

CP Tăng giá 141 CP
CP Giảm giá 84 CP
CP Đứng giá 154 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,124,002	15.7	3.4	19.8%	10.8%
HNX	145,353	14.8	1.8	9.3%	4.5%
Toàn bộ thị trường	1,269,355	17.4	3.3	18.9%	10.1%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,475	6.8	0.9	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,398	9.8	1.6	16.4%	11.1%
Thép và sản phẩm thép	39,206	17.1	2.2	20.4%	9.5%
Khai khoáng	12,245	63.8	5.6	0.4%	0.1%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,083	16.2	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,652	49.0	1.3	-1.3%	2.1%
Máy công nghiệp	8,818	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,671	8.4	1.5	18.9%	13.7%
Lốp xe	8,232	10.2	3.0	27.6%	11.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,497	12.5	2.0	17.5%	6.3%
Thực phẩm	200,304	24.5	4.8	20.4%	16.0%
Dược phẩm	15,419	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Phần mềm	19,556	12.1	2.5	21.5%	9.2%
Sản xuất & phân phối điện	25,549	-	6.0	-16.0%	0.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,403	19.3	6.3	33.1%	22.7%
Bảo hiểm nhân thọ	30,689	25.1	2.6	10.2%	2.1%
Môi giới chứng khoán	27,874	14.1	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng	245,320	11.3	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản	165,738	17.1	2.8	20.5%	5.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	56,111	12.6	2.7	22.6%	9.5%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 665.66 -1.00 -0.15%
HNX30 187.79 0.64 0.34%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Việt Nam đầu tư 19 tỷ USD ra nước ngoài

HSBC: Triển vọng thương mại của Việt Nam khá tích cực.

Trung Quốc bơm 81.4 tỷ USD cho 5 ngân hàng lớn nhất

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

TSC: Điều chỉnh tăng kế hoạch lợi nhuận cả năm lên 55 tỷ đồng

TMT: Sau 8 tháng, vượt kế hoạch lợi nhuận 415%

HRC: Doanh thu 8 tháng gần 108 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Bộ KH&ĐT cho biết, 7 tháng đầu năm 2014, đã cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài cho 68 dự án sang 21 quốc gia, với tổng vốn đăng ký phía Việt Nam là 894 triệu USD (giải ngân được 608.9 triệu USD). Các dự án chủ yếu vào lĩnh vực thông tin (chủ yếu của Viettel) và nông lâm nghiệp, tại các nước như Campuchia, Myanmar, Lào... Lũy kế đến hết tháng 7/2014, Việt Nam có 890 dự án đã được cấp phép đầu tư sang 63 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký đạt 19 tỷ USD. Các dự án chủ yếu vào lĩnh vực khai khoáng (dầu mỏ), trồng cây công nghiệp, sản xuất điện, viễn thông.

Ngân hàng HSBC ngày 17/9 đã công bố báo cáo định kỳ "Triển vọng kết nối giao thương của Việt Nam", trong đó, SBC cho biết Chỉ số tin cậy thương mại (TCI) nửa đầu năm 2014 của Việt Nam đạt 120 điểm – mức điểm cao nhất trong vòng 3 năm rưỡi – cho thấy triển vọng thương mại của Việt Nam khá tích cực. Cũng theo tổ chức này, xuất khẩu dệt may và thiết bị thông tin viễn thông sẽ giúp kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng trên 11%/năm trong giai đoạn 2014-2020. Xuất khẩu dệt may sẽ tiếp tục có sự đóng góp lớn nhất cho tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông (CNTT&VT) là ngành xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam và ngành này cũng đang trên đà phát triển.

Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) bắt đầu bơm 100 tỷ nhân dân tệ cho mỗi ngân hàng thông qua các gói cho vay kỳ hạn 3 tháng, theo thông tin đăng trên Sina.com. Quá trình này sẽ được PBOC hoàn tất trong hôm nay 17/9. Động thái này chứng tỏ quyết tâm của chính phủ Trung Quốc trong nỗ lực hỗ trợ kinh tế tăng trưởng trong bối cảnh lĩnh vực sản xuất suy yếu, tăng trưởng vốn đầu tư và doanh số bán lẻ chậm lại. Ngoài ra, nhập khẩu của Trung Quốc đã giảm 2 tháng liên tiếp và chỉ số đo lường lượng tín dụng mới trong tháng 8 cũng giảm 40%. Tuy nhiên hiện tại, thị trường bất động sản suy yếu đang là mối đe dọa lớn nhất đối với Trung Quốc trên con đường tiến tới hoàn thành mục tiêu tăng trưởng khoảng 7.5% trong năm 2014.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (HOSE: TSC) vừa công bố Nghị quyết HĐQT ngày 16/9/2014 về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh 2014 và thông qua chiến lược phát triển 2014 - 2019. HĐQT công ty đã thống nhất thông qua việc điều chỉnh chỉ tiêu LNST năm 2014 không thấp hơn 55 tỷ đồng. HĐQT giao nhiệm vụ cho Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng ban, các công ty thành viên thực hiện các biện pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận nói trên. ĐHCĐ thường niên 2014 của TSC hồi tháng 4 năm nay đã đặt kế hoạch Tổng lợi nhuận thực hiện 14.5 tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều so với kế hoạch sau điều chỉnh của công ty. Đáng chú ý, 6 tháng đầu năm, theo báo cáo bán niên hợp nhất soát xét, TSC lãi sau thuế vồn vẹn 2.4 tỷ đồng.

Chỉ trong vòng 8 tháng đầu năm 2014, Công ty Cổ phần Ô tô TMT (HOSE: TMT) đã có những bước tăng trưởng vượt trội về cả doanh thu, lợi nhuận so với kết quả kinh doanh cả năm 2013. Riêng trong tháng 8, doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần ô tô TMT đã đạt 116.6 tỷ đồng, bằng 25% tổng doanh thu công ty này đạt được trong 6 tháng đầu năm. Lũy kế 8 tháng đầu năm, TMT đạt xấp xỉ 658 tỷ đồng doanh thu. Công ty thu lãi ròng 27 tỷ đồng. So với con số kế hoạch đề ra cho năm 2014, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của 8 tháng đầu năm đã vượt lần lượt 22% và 415% kế hoạch. Tính đến nay, lợi nhuận đã cao gấp 5.15 lần kế hoạch lợi nhuận năm 2014 và 6.65 lần lợi nhuận 2013. Tỷ suất lợi nhuận gộp trong 8 tháng đầu năm đạt 11.5%.

Theo tin từ Công ty cổ phần cao su Hòa Bình (HOSE: HRC), trong tháng 8/2014, công ty khai thác được 168.9 tấn. Cộng dồn 8 tháng, công ty khai thác được 449.7 tấn, đạt được 28.1% kế hoạch năm (1,600 tấn). Trong tháng 8, Công ty thu mua được 186,8 tấn. Lũy kế 8 tháng, Công ty thu mua được 1,799 tấn. Sản lượng giao bán trong tháng đạt 231.9 tấn, doanh thu 8.5 tỷ đồng. Cộng dồn 8 tháng, Công ty giao bán được 2,436.2 tấn, doanh thu 107.7 tỷ đồng. Đến ngày 23/8, Công ty đã hoàn tất tái canh trồng mới được 814,076 ha cao su. Vườn cây tái canh trồng mới đang phát triển tốt.

HOSE 17/09/2014 VNINDEX 625.66 -2.00 -0.32% 189,811,760 CP 3,613.41 bil VND

Khối ngoại bán ròng lớn, VNINDEX giảm điểm dù dòng CK tăng mạnh.

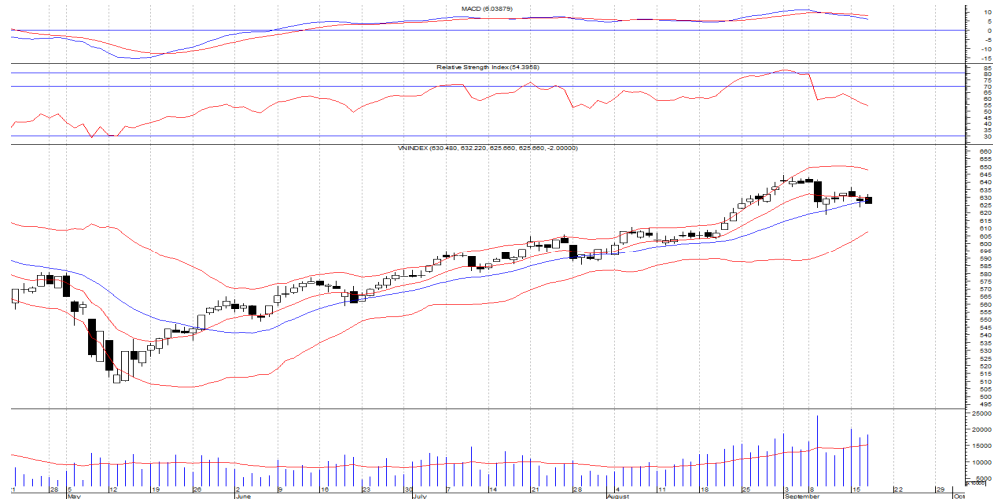
VN-Index giảm nhẹ 2 điểm xuống 625.66 điểm, một cây nến đen thứ 3 liên tiếp hình thành đẩy VN index giảm xuống dưới MA10 và MA20.

- MA10 khả năng sẽ cắt MA20 từ trên xuống là tín hiệu xấu cho thấy xu hướng tăng trước đây có thể bị bẻ gãy.

- MACD vẫn đang trong vùng bán ra và chưa có dấu hiệu báo mua trở lại.

- RSI (14) giảm còn 54.39 điểm và đang có xu hướng giảm cho thấy bên bán đang mạnh lên.

- Xu thế tăng điểm đã yếu đi nhiều và VN-index có thể còn giảm điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.8%)	21,808,050
SSI	2 (6.9%)	14,441,620
DXG	-0.6 (-3.7%)	8,212,710
VHG	0.7 (6.9%)	6,804,720
ITA	0 (0.0%)	6,462,470

HOSE Top 5 theo % tăng

HCM	2.7 (7.0%)	3,959,870
SSI	2 (6.9%)	14,441,620
VNL	1.5 (6.9%)	2,500
SRC	1.8 (6.9%)	780,910
VHG	0.7 (6.9%)	6,804,720

HOSE Top 5 theo % giảm

MPC	-6 (-7.6%)	8,850
PXS	-2.9 (-6.8%)	1,736,130
HVG	-2.3 (-6.8%)	2,621,640
LGC	-1.6 (-6.8%)	812,890
TS4	-1 (-6.7%)	496,740

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

KBC	7,6 tỷ	525,000
HPG	6,7 tỷ	114,480
SAM	3,9 tỷ	315,670
HDG	2,5 tỷ	88,350
HT1	1,9 tỷ	119,540

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DXG	-96,0 tỷ	6,056,250
VIC	-48,0 tỷ	886,490
GMD	-43,9 tỷ	1,249,170
HAG	-21,2 tỷ	884,940
PVD	-17,2 tỷ	164,060

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-12,234,520	- 313.29

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Nhóm cổ phiếu chứng khoán tăng mạnh nhưng áp lực bán lớn của khối ngoại khiến thị trường giảm về cuối phiên.
- ▶ Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao đạt 183 triệu CP cho thấy dòng tiền vẫn vào mạnh nhưng điều này cũng cho thấy tỷ lệ Margin đang ở mức cao.
- ▶ Khối ngoại mua ròng mạnh 313 tỷ đồng, đây là phiên bán ròng mạnh thứ 2 liên tiếp của khối ngoại. Động thái này sẽ tác động mạnh tới thị trường và tâm lý NĐT.
- ▶ Thị trường có thể còn tiếp tục giảm điểm, áp lực bán từ khối ngoại và lực cung từ tỷ lệ Margin cao có thể khiến thị trường xuất hiện phiên giảm sâu.
- ▶ NĐT xem xét bán chốt lời giảm tỷ trọng cổ phiếu, việc mua mới cần hạn chế.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	119.0	225,505.00	19.8	6.5	33.6%	23.2%
VNM	1,000.1	107.0	107,012.69	17.6	5.8	34.1%	27.1%
VIC	1,383.5	54.5	75,400.48	16.0	4.3	27.6%	6.2%
VCB	2,665.0	27.2	72,488.55	16.1	1.7	10.6%	1.0%
MSN	735.8	82.5	60,704.17	-1,511.0	4.3	-0.3%	-0.1%
CTG	3,723.4	14.6	54,361.71	9.3	1.0	10.7%	1.0%
BID	2,811.2	13.9	39,075.72	9.8	1.2	12.3%	0.7%
PVD	303.0	104.0	31,515.84	13.7	2.9	22.7%	10.7%
BVH	680.5	43.9	29,872.70	25.1	2.6	10.2%	2.1%
HPG	481.9	58.5	28,191.63	10.0	2.6	28.3%	12.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	18.4	4,707.78	19.5	1.6	NA	TH.DOI
FPT	343.9	56.5	19,430.02	12.1	2.5	NA	TH.DOI
CII	115.5	20.3	2,345.20	7.9	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	69.5	3,160.75	8.5	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.3	686.48	4.8	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	23.7	654.36	2.7	1.1	NA	TH.DOI

HNX 17/09/2014 HNX-Index 90.16 0.00 0.01% 145,003,778 CP 2,022.60 bil. VND

HNX-Index đi ngang khi nhóm chứng khoán và dầu khí diễn biến trái chiều.

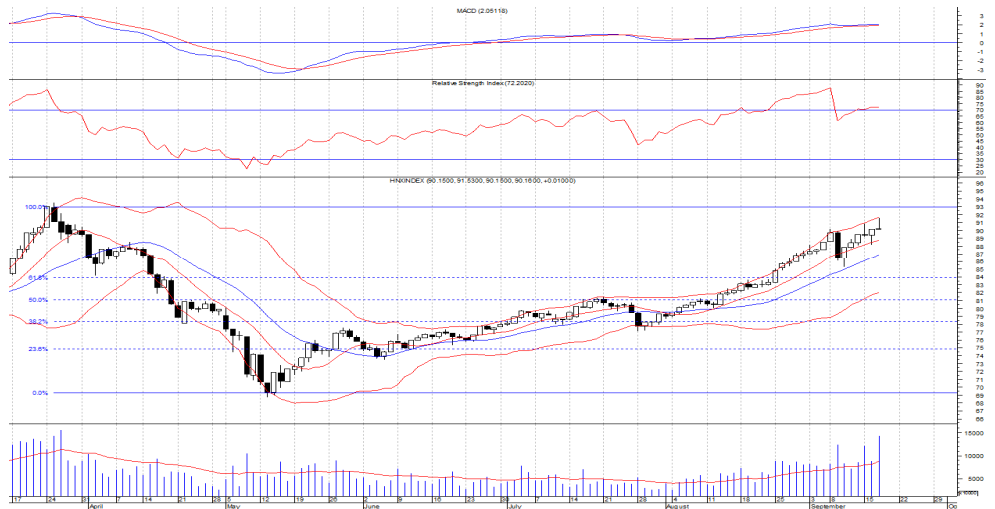
HNX-Index hình thành cây nến Doji với bác nền dài cho thấy áp lực bán ra ở vùng giá cao là mạnh. Tỷ lệ vay Margin hiện đang ở mức cao là điểm cần lưu tâm.

- Xu thế tăng điểm vẫn chưa thay đổi khi cả chỉ số, đường MA10, MA20 vẫn đang tăng lên.

- MACD vẫn đang trong vùng mua nhưng có thể xuất hiện tín hiệu bán.

- RSI đạt 72 điểm và thị trường đang ở vùng quá mua.

- HNXINDEX vẫn trong xu thế tăng nhưng tín hiệu phân kỳ giảm từ RSI và MACD có thể hình thành.



HNX Top 5 theo KLGD

KLS	1.2 (9.6%)	19,044,790
PVX	-0.1 (-1.6%)	15,308,700
KLF	0.1 (0.8%)	11,227,950
SCR	0.4 (4.0%)	7,898,450
SHS	0.6 (4.8%)	6,950,680

HNX Top 5 theo % tăng

IDV	3.7 (10.0%)	8,100
S55	5.2 (10.0%)	28,720
SDC	1.2 (10.0%)	4,000
VIX	2.3 (10.0%)	736,500
BSC	0.6 (9.8%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

HBE	-0.6 (-10.0%)	1,600
PVV	-0.4 (-9.8%)	1,430,600
S12	-0.8 (-9.8%)	100
VGP	-1.7 (-9.3%)	3,000
PVC	-4 (-8.9%)	3,117,900

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

LAS	0,3 tỷ	9,000
VPC	0,1 tỷ	35,000
PVB	0,1 tỷ	1,600
SDT	0,1 tỷ	7,000
DAD	0,1 tỷ	5,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VND	-4,2 tỷ	248,200
PVS	-2,9 tỷ	63,000
PVC	-1,8 tỷ	39,800
VCG	-1,7 tỷ	120,600
PVE	-0,4 tỷ	20,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-4,175,366	- 68.92

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index tăng khá mạnh giữa phiên nhờ nhóm CP chứng khoán tích cực nhưng áp lực bán từ nhóm CP dầu khí khiến HNX-Index về lại tham chiếu.
- ▶ Thanh khoản tăng mạnh lên đạt 143 triệu cổ phiếu cho thấy dòng tiền vào mạnh nhưng áp lực bán chốt lời ra cũng lớn.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với 69 tỷ đồng khi mua vào 30 tỷ và bán ra 99 tỷ đồng trên HNX. VCG, VND, PVS, PVC là những cổ phiếu bị bán ra mạnh.
- ▶ Nhóm CP dầu khí đang bị bán chốt lời mạnh trong khi nhóm chứng khoán tăng mạnh, nếu lực tăng không lan sang nhóm khác thì thị trường có thể giảm.
- ▶ NĐT xem xét bán chốt lời giảm tỷ trọng cổ phiếu, việc mua mới cần hạn chế.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
PVS	446.7	43.5	19,431.47	11.3	2.4	21.7%	7.1%
ACB	909.8	15.4	14,010.62	20.5	1.1	5.4%	0.4%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	152.4	7.4	-4.4%	-3.4%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	9.5	0.8	8.2%	0.7%
VCG	441.7	14.5	6,404.80	10.7	1.1	10.4%	2.4%
OCH	200.0	25.3	5,060.00	83.3	2.5	2.8%	1.5%
PVI	225.2	18.8	4,232.97	14.8	0.7	4.7%	1.9%
LAS	77.8	35.0	2,724.12	6.9	1.8	27.5%	15.2%
VNR	131.1	20.3	2,660.84	8.7	1.1	12.7%	5.7%
NTP	56.3	46.6	2,625.41	7.0	2.0	22.9%	15.2%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	39.0	1,482.00	10.0	1.8	NA	TH.DOI
AAA	39.6	16.5	653.40	6.4	0.8	NA	TH.DOI
VND	100.0	17.8	1,779.98	15.2	1.4	NA	TH.DOI
NTP	56.3	46.6	2,625.41	7.0	2.0	NA	TH.DOI
PVC	50.0	40.8	2,040.00	12.3	2.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	46.0	362.25	6.6	1.5	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	13.73%	82.5	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	13.68%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
HPG	HOSE	481.9	28,191.63	13.62%	58.5	9.98	2.63	924,375	1,033,321	932,637
PVD	HOSE	303.0	31,515.84	9.64%	104.0	13.69	2.89	779,598	565,731	424,797
HAG	HOSE	790.0	18,880.23	8.07%	23.9	16.38	1.40	2,512,999	3,286,241	2,736,753
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	7.65%	19.0	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	6.07%	27.2	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	5.32%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.07%	8.8	68.19	0.81	11,288,226	10,452,549	6,302,676
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	2.45%	43.9	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844
KBC	HOSE	389.8	5,573.57	2.33%	14.3	24.57	1.10	3,647,623	3,032,576	1,842,074
HSG	HOSE	96.3	4,324.46	2.28%	44.9	13.12	1.80	253,886	248,152	161,654
GMD	HOSE	116.1	4,064.83	1.97%	35.0	7.82	0.82	421,526	495,565	264,351
VSH	HOSE	206.2	3,031.75	1.58%	14.7	14.55	1.14	1,140,378	983,510	749,905
PPC	HOSE	318.2	7,890.23	1.47%	24.8	16.26	1.58	809,721	745,648	608,333
CSM	HOSE	67.3	3,283.85	1.45%	48.8	8.29	2.50	259,419	268,955	357,665
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	1.34%	61.5	12.64	3.43	145,291	204,165	240,112
HVG	HOSE	132.0	4,184.40	1.24%	31.7	36.17	1.83	2,328,969	1,486,294	982,409
PVT	HOSE	255.9	4,707.78	1.16%	18.4	19.51	1.61	2,579,216	2,397,381	1,932,806
DIG	HOSE	178.7	2,395.16	1.06%	13.4	64.72	1.00	286,046	265,616	209,241
OGC	HOSE	300.0	3,450.00	0.82%	11.5	43.56	1.12	4,056,321	3,778,234	2,073,440

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	7.67%	19.0	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	7.43%	82.5	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	7.31%	27.2	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	6.29%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	5.63%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	5.63%	43.9	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844
PVS	HNX	446.7	19,431.47	5.50%	43.5	11.28	2.40	4,882,150	4,379,923	3,308,403
PVD	HOSE	303.0	31,515.84	3.79%	104.0	13.69	2.89	779,598	565,731	424,797
ITA	HOSE	718.9	6,326.37	3.48%	8.8	68.19	0.81	11,288,226	10,452,549	6,302,676
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.36%	9.3	9.54	0.76	7,221,588	5,949,321	5,421,627
HAG	HOSE	790.0	18,880.23	3.27%	23.9	16.38	1.40	2,512,999	3,286,241	2,736,753
VCG	HNX	441.7	6,404.80	3.21%	14.5	10.73	1.10	1,357,006	1,134,142	987,763
OGC	HOSE	300.0	3,450.00	2.07%	11.5	43.56	1.12	4,056,321	3,778,234	2,073,440
DRC	HOSE	83.1	5,109.04	1.52%	61.5	12.64	3.43	145,291	204,165	240,112
GMD	HOSE	116.1	4,064.83	1.49%	35.0	7.82	0.82	421,526	495,565	264,351
PPC	HOSE	318.2	7,890.23	1.32%	24.8	16.26	1.58	809,721	745,648	608,333
PVT	HOSE	255.9	4,707.78	1.16%	18.4	19.51	1.61	2,579,216	2,397,381	1,932,806
PVX	HNX	400.0	2,520.00	0.00%	6.3	- 2.03	3.40	12,081,321	11,951,417	7,765,103

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.00%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.00%	82.5	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	0.00%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
HAG	HOSE	790.0	18,880.23	0.00%	23.9	16.38	1.40	2,512,999	3,286,241	2,736,753
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.00%	27.2	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.00%	19.0	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	0.00%	43.9	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844
CTG	HOSE	3,723.4	54,361.71	0.00%	14.6	9.32	1.02	669,792	472,341	343,747
GAS	HOSE	1,895.0	225,505.00	0.00%	119.0	19.82	6.49	263,464	349,282	309,311

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	60,704.17	0.88%	82.5	#####	4.30	225,653	290,739	247,877
VIC	HOSE	1,383.5	75,400.48	0.56%	54.5	15.98	4.30	2,643,036	2,119,650	1,142,564
STB	HOSE	1,142.5	21,707.72	0.31%	19.0	8.08	1.30	435,474	324,213	734,494
VCB	HOSE	2,665.0	72,488.55	0.24%	27.2	16.11	1.67	564,056	640,243	438,501
DPM	HOSE	379.9	12,803.78	0.15%	33.7	10.13	1.44	1,731,818	1,767,994	1,161,001
BVH	HOSE	680.5	29,872.70	0.08%	43.9	25.12	2.63	141,080	133,802	160,844

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,475	6.8	0.9	13.6%	9.1%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,398	9.8	1.6	16.4%	11.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,661	24.6	0.9	3.4%	1.6%
Sản xuất giấy	856	7.5	1.0	12.8%	6.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	39,206	17.1	2.2	20.4%	9.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,899	3.3	0.8	24.5%	5.3%
Khai khoáng	12,245	63.8	5.6	0.4%	0.1%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	23,083	16.2	1.5	11.3%	7.5%
Xây dựng	32,652	49.0	1.3	-1.3%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,205	8.3	1.2	16.3%	8.3%
Công nghiệp phức hợp	800	6.6	1.6	13.5%	9.6%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,408	7.1	1.0	13.5%	6.0%
Thiết bị điện	1,900	19.3	1.1	1.1%	-0.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	45	13.7	0.6	4.4%	3.1%
Máy công nghiệp	8,818	9.3	1.4	15.0%	10.2%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,830	3.4	1.2	4.5%	1.1%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,671	8.4	1.5	18.9%	13.7%
Dịch vụ vận tải	6,153	7.9	1.5	18.6%	11.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,202	10.5	1.8	13.9%	6.8%
Đào tạo & Việc làm	231	9.6	0.7	8.6%	3.0%
Nhà cung cấp thiết bị	191	8.5	0.9	11.1%	4.6%
Chất thải & Môi trường	175	2.7	0.8	35.1%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,213	19.2	1.4	11.9%	6.4%
Lốp xe	8,232	10.2	3.0	27.6%	11.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,527	7.6	1.3	15.5%	8.4%
Vang & Rượu mạnh	316	14.1	2.1	16.2%	10.2%
Đồ uống & giải khát	226	6.5	1.1	14.2%	9.5%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,497	12.5	2.0	17.5%	6.3%
Thực phẩm	200,304	24.5	4.8	20.4%	16.0%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	85	21.4	1.1	5.0%	3.8%
Thiết bị gia dụng	2,440	8.2	1.2	14.4%	7.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	559	44.1	1.4	3.3%	2.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,649	9.7	1.8	18.4%	7.2%
Giày dép	8	1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	5,103	9.4	1.7	18.1%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	725	8.1	1.1	-1.5%	3.8%

17 September 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	981	15.3	1.0	6.7%	3.9%
Dụng cụ y tế	162	3.3	1.8	38.1%	16.3%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	177	8.1	1.1	13.4%	9.8%
Dược phẩm	15,419	10.7	2.9	24.9%	16.4%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	268	50.4	0.9	1.7%	0.5%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	684	10.5	1.1	12.8%	7.5%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,050	11.2	1.8	16.5%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,107	9.7	1.0	10.3%	7.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,676	72.8	2.5	2.9%	1.7%
Dịch vụ giải trí	3,416	13.7	1.4	14.8%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,590	19.7	3.1	22.6%	19.5%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	619	14.8	0.8	5.5%	2.0%
Internet	355	74.9	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,556	12.1	2.5	21.5%	9.2%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	455	15.8	0.8	4.3%	1.7%
Thiết bị văn phòng	286	4.9	1.1	22.4%	17.1%
Thiết bị viễn thông	11,840	30.6	7.0	33.6%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	25,549	-	6.0	1.4	-16.0%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	236,403	19.3	6.3	33.1%	22.7%
Nước	1,239	6.6	1.1	16.9%	11.3%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,313	7.5	0.9	11.7%	3.6%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,905	12.4	0.7	6.2%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,726	8.7	1.1	12.7%	5.7%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	30,689	25.1	2.6	10.2%	2.1%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,540	43.6	1.1	2.5%	0.7%
Môi giới chứng khoán	27,874	14.1	1.6	9.5%	7.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	245,320	11.3	1.3	10.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	165,738	17.1	2.8	20.5%	5.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	14	3.6	1.0	34.7%	11.6%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	56,111	12.6	2.7	22.6%	9.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.